

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2789 /SGTVT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Về chi tiết luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:

- Các Doanh nghiệp cảng biển, kho CFS, kho ngoại quan;
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh.

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là *phí hạ tầng cảng biển*);

Căn cứ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 1, Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân, trong đó, thời gian thực hiện thu phí *từ 00 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2022*.

Theo đề nghị của Cảng vụ Đường thủy nội địa tại Công văn số 414/CVĐTND-QLCB/CVĐTND-QLCB ngày 28 tháng 03 năm 2022 về luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

Đề thuận lợi trong việc thực hiện khai báo và nộp phí hạ tầng cảng biển, Sở Giao thông vận tải thông tin đến các Doanh nghiệp cảng biển, kho CFS, kho ngoại quan; các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh về chi tiết luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí hạ tầng cảng biển theo Phụ lục đính kèm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PCT UBND TP Phan Thị Thăng;
- Thành viên Tổ Công tác  
QĐ số 803/QĐ-UBND ngày 12/3/2021;
- Lưu: VT, PTC.bttv.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**SỞ**  
**GIAO THÔNG**  
**VẬN TẢI**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

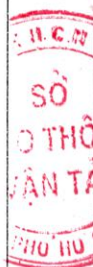
**Bùi Hòa An**

**PHỤ LỤC**  
**Luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí hạ tầng**

| ST T       | Luồng hàng   | Người kê khai, nộp Phí   | Mức phí   | Ghi chú  |
|------------|--|--|---|--|
| <b>I</b>   | <b>Tờ khai xuất nhập khẩu (XNK)</b>  |  |   |  |
| <b>1</b>   | <b>Đối với hàng nhập khẩu</b>  |  |   |  |
| <b>1.1</b> | Tất cả tờ khai nhập khẩu có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là các mã <i>Cảng biển/ICD thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh (TP.HCM)</i> | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai nhập khẩu  | Mức phí phân biệt theo loại hình XNK (đối với hàng tạm nhập tái xuất có mã thuộc nhóm G) hoặc theo nơi mở tờ khai (đối với các loại hình XNK còn lại) | Trừ tờ khai đưa hàng ra, vào kho CFS, Kho Ngoại quan |
| <b>1.2</b> | Các tờ khai nhập khẩu có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là các mã <i>kho CFS hoặc Kho Ngoại quan</i>                             | Không phải thực hiện kê khai, nộp phí theo tờ khai xuất khẩu mà thực hiện kê khai, nộp phí theo tờ khai vận chuyển độc lập (hoặc chứng từ đủ điều kiện qua khu vực giám sát) do chủ kho CFS, Kho Ngoại quan thực hiện. |   | Chi tiết tại mục II                                  |
| <b>2</b>   | <b>Đối với hàng xuất khẩu</b>  |  |   |  |
| <b>2.1</b> | Tất cả tờ khai xuất khẩu có mã địa điểm đích vận chuyển bảo thuế là các mã <i>Cảng biển/ICD thuộc địa bàn TP.HCM</i>                         | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai xuất khẩu  | Mức phí phân biệt theo loại hình XNK (đối với hàng tạm nhập tái xuất có mã thuộc nhóm G) hoặc theo nơi mở tờ khai (đối với các loại hình XNK còn lại) | Trừ tờ khai đưa hàng ra, vào kho CFS, Kho Ngoại quan |
| <b>2.2</b> | Các tờ khai xuất khẩu có mã địa điểm đích vận chuyển bảo thuế là các mã <i>kho CFS hoặc Kho Ngoại quan</i>                                   | Không phải thực hiện kê khai, nộp phí theo tờ khai xuất khẩu mà thực hiện kê khai, nộp phí theo tờ khai vận chuyển độc lập (hoặc chứng từ đủ điều kiện qua khu vực giám sát) do chủ kho CFS, Kho Ngoại quan thực hiện. |   | Chi tiết tại mục II                                  |
| <b>II</b>  | <b>Tờ khai vận chuyển độc lập</b>  |  |   |  |



|          |   |   |   |  |
|----------|---|---|---|--|
| <b>1</b> | <b>Đối với hàng nhập khẩu</b>   |   |   |  |
| 1.1      | Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là các mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là các mã <b>Cảng/ICD, Kho CFS bên ngoài địa bàn TP.HCM</b>                 | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.   | Mức phí theo nơi mở tờ khai là bên ngoài địa bàn TP.HCM | Doanh nghiệp phân bổ phí lại cho khách hàng của mình |
| 1.2      | Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là các mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là các mã <b>Kho CFS trong địa bàn TP.HCM</b>                               | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.   | Mức phí theo nơi mở tờ khai là tại TP. HCM              | Doanh nghiệp phân bổ phí lại cho khách hàng của mình |
| 1.3      | Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là các mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là các mã <b>Cảng/ICD cũng thuộc địa bàn TP.HCM</b>                         | Không phải thực hiện kê khai và nộp phí (Do là việc kê khai, nộp phí đối với nhóm đối tượng vận chuyển này sẽ do doanh nghiệp XNK thực hiện khi doanh nghiệp mở tờ khai nhập khẩu có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là các mã Cảng/ICD đích trong địa bàn TP.HCM nêu trên). |   |  |
| <b>2</b> | <b>Đối với hàng xuất khẩu</b>   |   |   |  |
| 2.1      | Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là các mã <b>Cảng/ICD, Kho CFS, Kho Ngoại quan bên ngoài địa bàn TP.HCM</b> và mã địa điểm dỡ hàng là các mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.   | Mức phí theo nơi mở tờ khai là bên ngoài địa bàn TP.HCM | Doanh nghiệp phân bổ phí lại cho khách hàng của mình |
| 2.2      | Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là các mã <b>Kho Ngoại quan thuộc địa bàn TP.HCM</b> và mã địa điểm dỡ hàng là các mã Cảng/ICD cũng thuộc địa bàn TP.HCM                   | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.   | Mức phí theo loại hình hàng gửi Kho Ngoại quan          | Doanh nghiệp phân bổ phí lại cho khách hàng của mình |



|            |  |  |   |  |
|------------|--|--|---|--|
| <b>3</b>   | <b>Đối với hàng quá cảnh</b>   |  |   |  |
|            | Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là các mã Cảng/ICD thuộc TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là các mã cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam với nước thứ 3 và ngược lại | Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập | Mức phí theo loại hình hàng quá cảnh.           | Doanh nghiệp phân bổ phí lại cho khách hàng của mình |
| <b>III</b> | <b>Đối với hàng nhập khẩu đưa vào Kho Ngoại quan</b>   |  |   |  |
| <b>1</b>   | Hàng nhập khẩu gửi Kho Ngoại quan (tờ khai theo mã loại hình C11)  | Doanh nghiệp, đại lý mở tờ khai theo mã loại hình C11    | Mức phí theo loại hình hàng gửi Kho Ngoại quan. |  |

Lưu ý:

- C11 là mã loại hình nhập khẩu hàng nước ngoài gửi kho ngoại quan; G là nhóm mã loại hình tạm nhập tái xuất hàng hóa quy định tại Bảng mã loại hình và hướng dẫn sử dụng được ban hành kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.
- Kho CFS là khu vực kho, bãi dùng để thực hiện các hoạt động thu gom, chia, tách hàng hóa của nhiều chủ hàng vận chuyển chung container.
- Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam.

